

BeQ HOLDINGS

# CHỈ SỐ BEQ VIETNAM VNX FAMILY BUSINESS

Cổng thông tin về hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp gia đình tại Việt Nam

Tháng chín, 2026



**Chỉ số BeQ Việt Nam VNX Family Business**

**52%**

Hiệu suất cuốn chiếu 12 tháng \*

**Chỉ số BeQ Việt Nam VNX Family Business Top 10**

**30%**

Hiệu suất cuốn chiếu 12 tháng \*

\*Cập nhật lần cuối: 30 tháng 9 năm 2026

Cùng thời điểm, hiệu suất của chỉ số VNI và chỉ số S&P 500 lần lượt là 6.49% và 14.34%

## Chỉ số Doanh nghiệp Gia đình BeQ: Một kỷ nguyên ESG mới dựa trên di sản và trách nhiệm quản lý

Từ lâu, các doanh nghiệp gia đình ở Việt Nam không chỉ đơn thuần là các thực thể thương mại mà còn là một phần xương sống về văn hóa, xã hội và thể hệ của quốc gia. Ngày nay, BeQ Holdings đang định hình lại cách thị trường tài chính nhìn nhận các công ty này bằng cách nâng tầm Chỉ số Doanh nghiệp Gia đình VNX trở thành trụ cột chính trong quá trình phát triển Chỉ số ESG của BeQ. Cách tiếp cận này đặt quản trị gia đình – vốn đã ăn sâu vào đời sống kinh doanh Việt Nam – lên hàng đầu trong đầu tư bền vững.

Sự phát triển này không phải là ngẫu nhiên. Trên toàn cầu, các doanh nghiệp gia đình ngày càng được công nhận nhờ những đặc điểm ESG mà các nhà đầu tư hiện đại ưu tiên: tầm nhìn dài hạn, quản trị thận trọng, ổn định chiến lược, trách nhiệm giải trình và trách nhiệm liên thế hệ. Tại Việt Nam, nơi các doanh nghiệp gia đình chiếm ưu thế trong toàn bộ các lĩnh vực kinh tế, những đặc điểm này thậm chí còn rõ rệt hơn. Chỉ số Doanh nghiệp Gia đình của BeQ định lượng động lực độc đáo này – nắm bắt những công ty kết hợp tham vọng thương mại với sự quản lý dựa trên di sản và ý thức sâu sắc về tính liên tục.

Các doanh nghiệp gia đình cũng nổi tiếng về khả năng phục hồi trong thời kỳ bất ổn. Những thế mạnh về cấu trúc của chúng – tầm nhìn lập kế hoạch dài hạn, đòn bẩy tài chính thận trọng, quản trị kỷ luật và sự ổn định qua các chu kỳ lãnh đạo – tạo nên một sự bảo vệ tự nhiên trước sự biến động.

Tại Việt Nam, hiệu ứng này thậm chí còn rõ rệt hơn:

- Nhiều công ty gia đình hàng đầu hiện nay được thành lập trong giai đoạn đầu tự do hóa của đất nước, mang lại cho họ hàng thập kỷ tích lũy kỷ luật và sức mạnh thích ứng.
- Các quá trình chuyển giao lãnh đạo thường được lên kế hoạch trước nhiều năm – hoặc nhiều thế hệ – nhằm đảm bảo định hướng chiến lược không bị gián đoạn.
- Quyền sở hữu vẫn được tập trung cao độ, cho phép đưa ra quyết định nhanh chóng mà không gặp phải trở ngại về thủ tục hành chính.
- Các gia đình thường có xu hướng tái đầu tư lợi nhuận thay vì dựa vào nợ, giúp duy trì sức mạnh bảng cân đối kế toán trong thời kỳ suy thoái.

Những đặc điểm này giúp giải thích tại sao Chỉ số Doanh nghiệp Gia đình VNX lại vượt trội hơn hẳn so với thị trường chung, đặc biệt là trong các chu kỳ bất ổn toàn cầu. Bằng cách tích hợp nhóm chỉ số này vào hệ sinh thái BeQ ESG, BeQ Holdings không chỉ đơn thuần theo dõi hiệu suất mà còn công nhận các doanh nghiệp gia đình là những nhà lãnh đạo ESG tự nhiên, với các giá trị về quản lý, ổn định và trách nhiệm dài hạn phù hợp với tương lai của đầu tư bền vững.

# Chỉ số doanh nghiệp gia đình VNX của BeQ Việt Nam

## Thiết kế

Chỉ số này được thiết kế theo các tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ UCITS, do đó phù hợp để hỗ trợ các quỹ, ETF, sản phẩm phái sinh và các sản phẩm cấu trúc.

### Benchmark (Chỉ số tham chiếu)

BeQ Global Indexes định nghĩa các công ty đủ điều kiện là doanh nghiệp gia đình dựa trên tiêu chí của các nhà cung cấp chỉ số toàn cầu và các nhà nghiên cứu học thuật, dựa trên ba tiêu chí khách quan:

#### Ngưỡng sở hữu

Một công ty được coi là doanh nghiệp gia đình khi gia đình sáng lập hoặc các cá nhân có quan hệ huyết thống nắm giữ 20%–30% quyền biểu quyết hoặc khi gia đình đó là cổ đông lớn nhất.

#### Sự kiểm soát của gia đình trong quản trị

Sự kiểm soát của gia đình phải thể hiện rõ ràng ở ít nhất một trong những điều sau đây:

- Một thành viên trong gia đình giữ chức Chủ tịch, Giám đốc điều hành, hoặc nắm giữ phần lớn cổ phần trong hội đồng quản trị.
- Gia đình này có ảnh hưởng chiến lược trong việc ra quyết định, chẳng hạn như thông qua các ủy ban hội đồng quản trị hoặc các vai trò điều hành cấp cao.

#### Sự kế thừa qua nhiều thế hệ hoặc từ khi thành lập

Công ty phải là công ty gia đình, với quyền kiểm soát được duy trì bởi gia đình sáng lập qua nhiều thế hệ hoặc được ghi chép rõ ràng là doanh nghiệp gia đình.

### Tradable (Chỉ số giao dịch)

Chỉ số BeQ Vietnam VNX Family Business Top 10 lựa chọn 10 công ty hàng đầu trong chỉ số BeQ Vietnam VNX Family Business dựa trên tính thanh khoản, vốn hóa thị trường điều chỉnh theo lượng cổ phiếu lưu hành tự do và dư địa tăng trưởng. Chỉ số này được tính trọng số dựa trên vốn hóa thị trường điều chỉnh, bắt đầu từ 1.000 vào ngày cơ sở 31 tháng 12 năm 2024.

### Variants (Các biến thể)

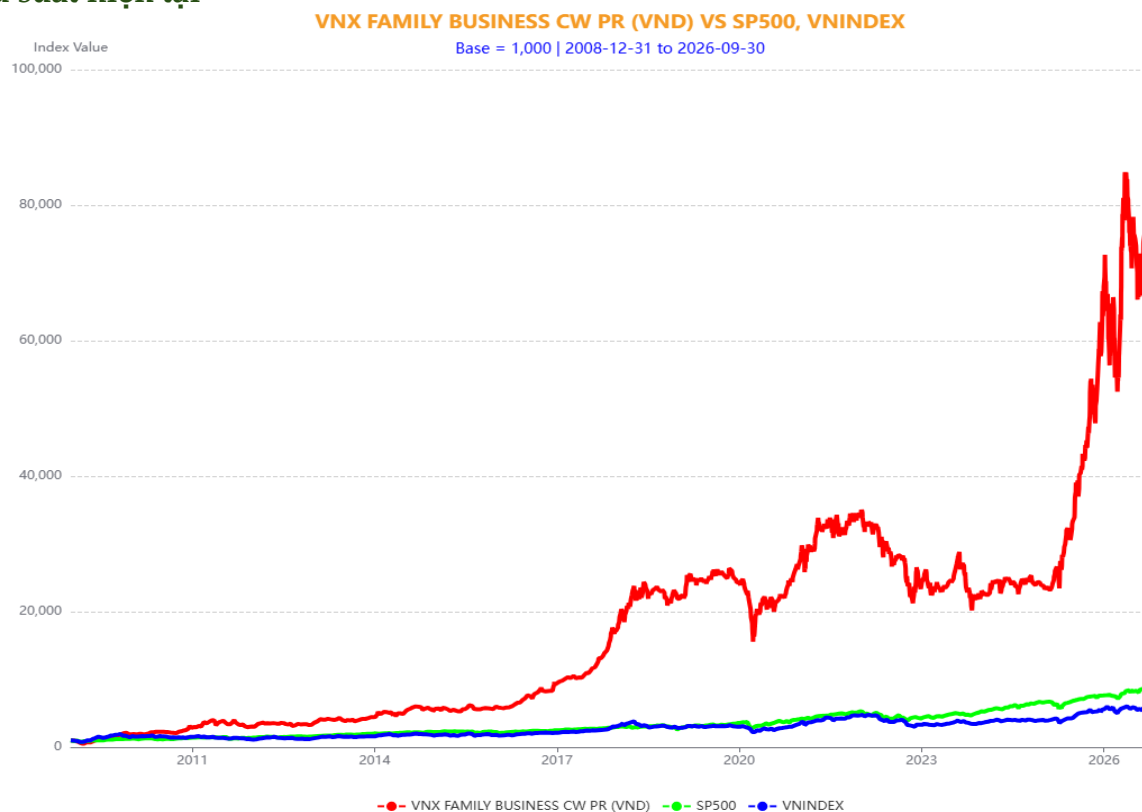
Chỉ số BeQ Vietnam VNX Family Business Indexes được tính toán theo định dạng Lợi suất Giá (PR), ngoài ra còn có các phiên bản Tổng lợi suất (TR) và Lợi suất Ròng (NR). Đơn vị tiền tệ chuẩn của chỉ số là VND, trong khi các phiên bản bằng các loại tiền tệ khác như AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC được cung cấp để phản ánh hiệu suất thực tế của các nhà đầu tư nước ngoài.

## Thành phần

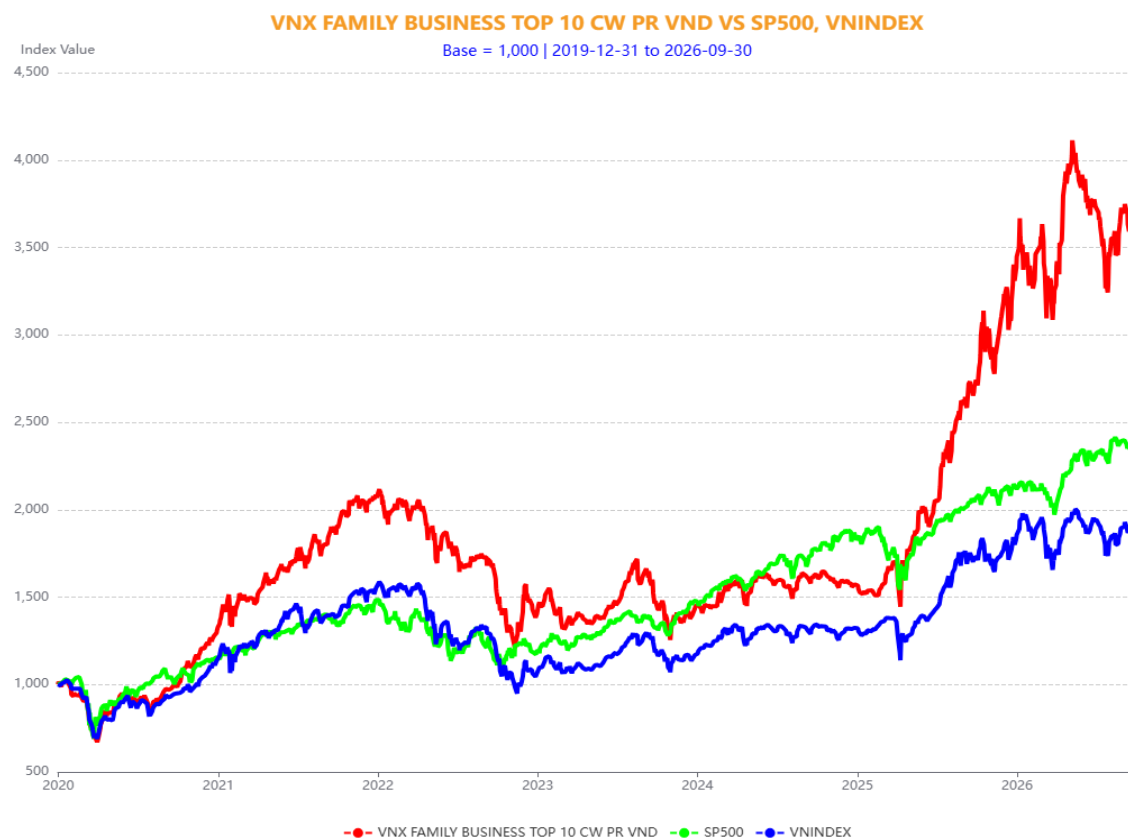
### Top 5 Công ty của chỉ số BeQ Vietnam VNX Family Business Top 10

| STT | Tên        | Mã         | Nhóm ngành              | Sàn giao dịch | Tỷ trọng |
|-----|------------|------------|-------------------------|---------------|----------|
| 1   | [REDACTED] | [REDACTED] | BẤT ĐỘNG SẢN            | HSX           | 15.24%   |
| 2   | [REDACTED] | [REDACTED] | TIÊU DÙNG KHÔNG BỔ SUNG | HSX           | 15.23%   |
| 3   | [REDACTED] | [REDACTED] | BẤT ĐỘNG SẢN            | HSX           | 14.81%   |
| 4   | [REDACTED] | [REDACTED] | NGUYÊN VẬT LIỆU         | HSX           | 14.39%   |
| 5   | [REDACTED] | [REDACTED] | CÔNG NGHIỆP             | HSX           | 12.88%   |

## Hiệu suất hiện tại



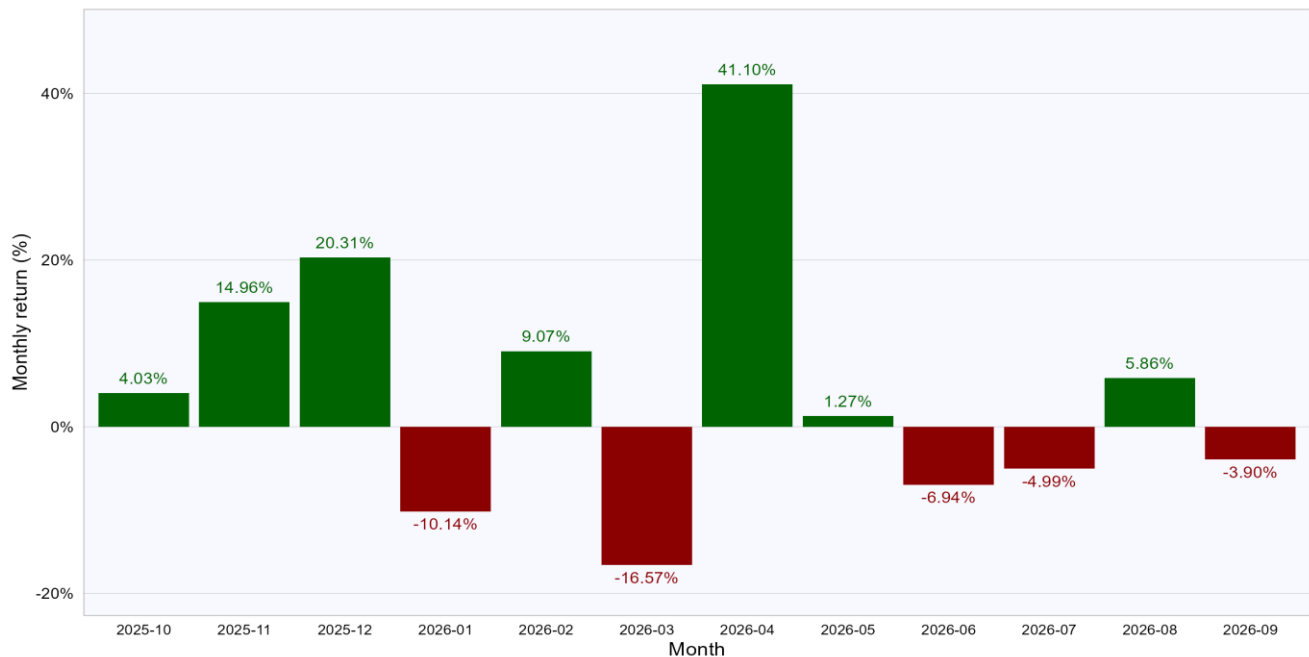
Cập nhật: 30 tháng 9 năm 2026



Cập nhật: 30 tháng 9 năm 2026

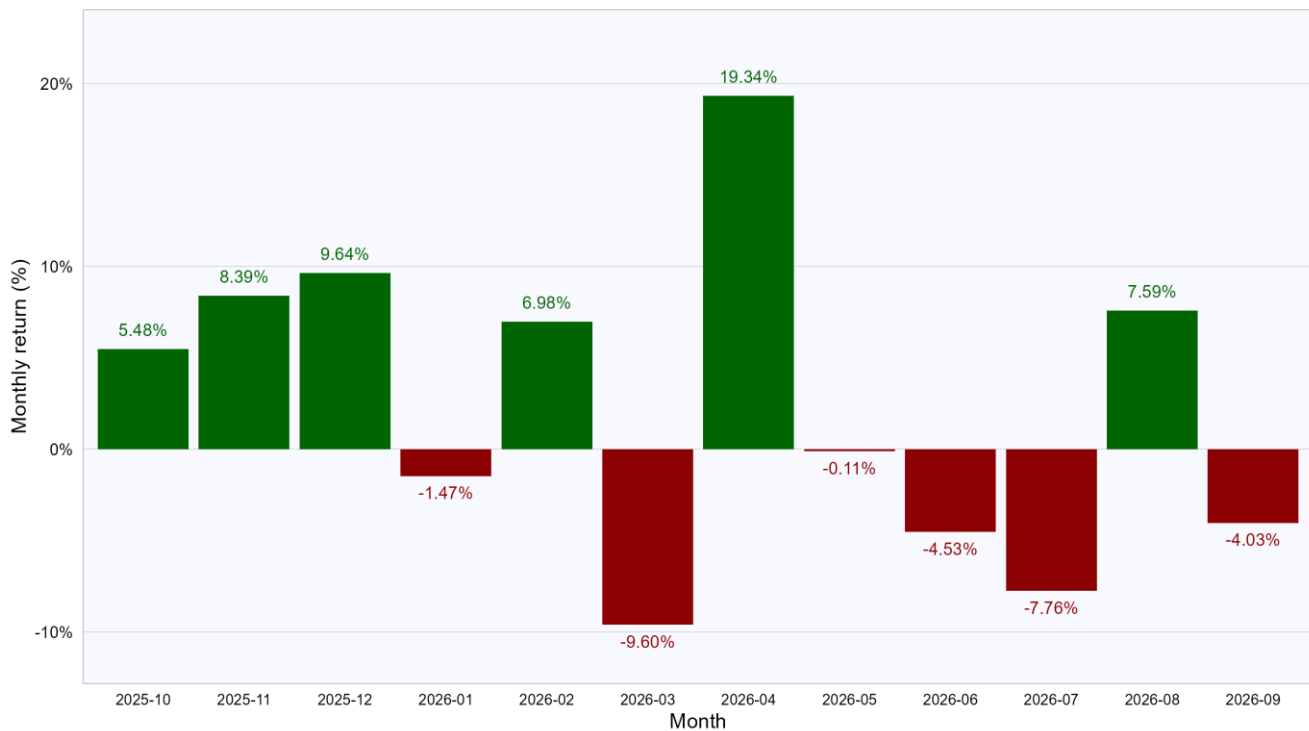
Hiệu suất 12 tháng

12 LAST MONTHS ROLLING RETURNS  
BeQ Vietnam VNX Family Business Index



Cập nhật: 30 tháng 9 năm 2026

12 LAST MONTHS ROLLING RETURNS  
BeQ Vietnam VNX Family Business Top 10 Index



Cập nhật: 30 tháng 9 năm 2026

**Bảng thông tin: Chỉ số BeQ Việt Nam VNX Family Business**

| Yếu tố                    | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên                       | Chỉ số BeQ Việt Nam VNX Family Business                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Mã                        | INDVNXFMB[CW][PR][VND]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Mô tả ngắn                | Chỉ số BeQ Vietnam VNX Family Business Index Series là một chỉ số tài chính chuẩn mực được thiết kế để theo dõi hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp gia đình trong thị trường chứng khoán Việt Nam. Được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế và hoàn toàn tuân thủ UCITS, chỉ số này cung cấp một khuôn khổ minh bạch và khả thi cho việc đầu tư vào ETF, các sản phẩm phái sinh và các sản phẩm cấu trúc. |
| Lựa chọn                  | Theo sau các công ty kinh doanh gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Chu kỳ xem xét            | Theo chu kỳ hàng quý vào tháng 3/tháng 6/tháng 9/tháng 12.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Ngày rà soát              | Ngày có hiệu lực là ngày giao dịch tiếp theo sau ngày xem xét.<br>Ngày công bố: 1 tuần trước ngày có hiệu lực.<br>Ngày kết thúc là ngày cuối tháng trước đó.                                                                                                                                                                                                                                                |
| Phương pháp tính trọng số | Tính theo vốn hóa thị trường đầy đủ (CW)<br>Phương pháp tính trọng số khác: Trọng số bằng nhau (EW)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Phiên                     | PR (Giá), NR (Lợi nhuận ròng), TR (Tổng lợi nhuận)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Loại tiền tệ              | VND và có sẵn bằng AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Tần suất tính toán        | Cuối ngày giao dịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Tổng số lượng chỉ số      | 48                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Ngày cơ sở                | 31/12/2008                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Giá trị cơ bản            | 1.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Mức cao lịch sử           | 84876.77                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Mức thấp lịch sử          | 521.88                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Trang web                 | <a href="http://www.ccpi.vn">www.ccpi.vn</a><br><a href="http://dashboardlite.ccpi.vn">dashboardlite.ccpi.vn</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

**Bảng thông tin: Chỉ số BeQ Việt Nam VNX Family Business Top 10**

| Yếu tố                    | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên                       | Chỉ số BeQ Việt Nam VNX Family Business Top 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Mã                        | INDVNXFMB10[CW][PR][VND]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Nhóm                      | FAMILY BUSINESS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Mô tả ngắn                | Chỉ số BeQ Vietnam VNX Family Business Top 10 là một chỉ số tài chính chuẩn mực được thiết kế để theo dõi hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp gia đình trong thị trường chứng khoán Việt Nam. Được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế và hoàn toàn tuân thủ UCITS, chỉ số này cung cấp một khuôn khổ minh bạch và khả thi cho việc đầu tư vào ETF, các sản phẩm phái sinh và các sản phẩm cấu trúc. |
| Lựa chọn                  | Top 10, Cổ phiếu có tính thanh khoản (doanh thu) và vốn hóa thị trường (đã điều chỉnh theo cổ phiếu lưu hành tự do) tốt nhất.                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Chu kỳ xem xét            | Theo chu kỳ hàng quý vào tháng 3/tháng 6/tháng 9/tháng 12.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Ngày rà soát              | Ngày có hiệu lực là ngày giao dịch tiếp theo sau ngày xem xét.<br>Ngày công bố: 1 tuần trước ngày có hiệu lực.<br>Ngày kết thúc là ngày cuối tháng trước đó.                                                                                                                                                                                                                                          |
| Phương pháp tính trọng số | Vốn hóa cổ phiếu lưu hành tự do được điều chỉnh theo số cổ phiếu lưu hành tự do và được giới hạn ở mức 15% (CW)<br>Phương pháp tính trọng số khác: Trọng số bằng nhau (EW)                                                                                                                                                                                                                            |
| Phiên                     | PR (Giá), NR (Lợi nhuận ròng), TR (Tổng lợi nhuận)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Loại tiền tệ              | VND và có sẵn bằng AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Tần suất tính toán        | Cuối ngày giao dịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tổng số lượng chỉ số      | 48                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Ngày cơ sở                | 31/12/2019                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Giá trị cơ bản            | 1.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Ngày ra mắt               | 22/03/2023                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Mức cao lịch sử           | 4112.68                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Mức thấp lịch sử          | 670.91                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Trang web                 | <a href="http://www.ccpi.vn">www.ccpi.vn</a><br><a href="http://dashboardlite.ccpi.vn">dashboardlite.ccpi.vn</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

BEQHOLDINGS.com

# BeQ Holdings



## Liên hệ

### USA

200 Continental Drive, Newark,  
DE 19713, USA

### UK

128 City Road, London, United Kingdom,  
EC1V 2NX

### VIỆT NAM

67 Đinh Thi Thi Street, Van Phuc City, Thu Duc  
District, Ho Chi Minh City

### SINGAPORE

14 Robinson Road #08-01A, Far East Finance  
Building, 048545, Singapore

### LUXEMBURG

BeQuantum Group

### LUXEMBURG

BeQ Wealth Farming Bank

### WEBSITES

[www.beqholdings.com](http://www.beqholdings.com)

[www.ccpi.vn](http://www.ccpi.vn)

[dashboardlite.ccpi.vn](http://dashboardlite.ccpi.vn)